| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ TUYÊN QUANG**<br>**TỈNH TUYÊN QUANG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: **66/**2018/QĐST-HNGĐ | *Tuyên Quang, ngày 10 tháng 4 năm 2018* |

# QUYẾT ĐỊNH
## CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 237/2017/TLST-HNGĐ ngày 06/11/2017 giữa:

* *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Q; Sinh năm 1986

Nơi ĐKNKTT: Thôn T, xã Đ, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

Tạm trú: Thôn 8, xã Đ , thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

* *Bị đơn:* Anh Vũ Văn T **;** sinh năm 1984;

Nơi ĐKNKTT: Thôn P, xã L, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

Tạm trú: Thôn 8, xã Đ, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 02 tháng 4 năm 2018.

## XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 02 tháng 4 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

## QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Q và anh Vũ Văn T .

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- *Về con chung*: Giao con chung là tên là Vũ Thuỳ D, sinh ngày 09/01/2012 cho chị Nguyễn Thị Q trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung số tiền là: 1.500.000 đồng (*Một triệu năm trăm*

*nghìn đồng)/tháng*, việc cấp dưỡng thực hiện định kỳ hàng tháng kể từ tháng 4/2018 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Anh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

*Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.*

- *Về tài sản chung:* Nguyễn Thị Q và anh Vũ Văn T tự thoả thuận chia không yêu cầu Toà án giải quyết.

- *Vay nợ chung*: Nguyễn Thị Q và anh Vũ Văn T không vay nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị Q tự nguyện nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000đ *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số N$^{o}$ 0004923 ngày 06/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang. Hoàn trả cho chị Q số tiền chênh lệch là 150.000đ *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)*

Anh Vũ Văn T phải chịu 150.000đ *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

*" Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự".*

**THẨM PHÁN**

**Phạm Ngọc Hà**

**Nơi nhận**
- TAND tỉnh TQ;
- VKSND thành phố TQ (2 bản);
- THADS thành phố TQ (để thi hành);
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND xã L, huyện S, TQ (để biết);
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu TA.